

Số: /TC - STP

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2023

## THÔNG CÁO BÁO CHÍ

### Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2023

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2023, như sau:

#### I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 7 năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành **11** văn bản quy phạm pháp luật (**08 Nghị quyết, 03 Quyết định**), cụ thể:

##### 1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 08 Nghị quyết, gồm:

1.1. Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ.

1.2. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia

đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.5. Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Bãi bỏ một phần và sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.6. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.7. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.8. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025.

## **2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 Quyết định, gồm:**

2.1. Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

## **II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1. Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo**

**sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND).**

**1.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2023.

**1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

**a) Sự cần thiết ban hành**

Ngày 20/12/2021, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ (viết tắt là Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND).

Trong đó, Biểu số 01 (Danh mục nhóm ngành, ngành đào tạo có nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của tỉnh) ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND căn cứ vào Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học (viết tắt là Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT) và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (viết tắt là Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT). Tuy nhiên, đến nay Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT.

Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*”.

Khoản 3 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “*Sửa đổi, bổ sung văn bản được áp dụng trong trường hợp một phần nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội*”.

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ là cần thiết.

**b) Mục đích ban hành**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, bổ sung một số danh mục ngành có nhu cầu thu hút của tỉnh và mức hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực cho ngành giáo dục, nhằm đưa chất lượng giáo dục đào tạo của tỉnh phát triển vượt bậc

hơn nữa trong những năm tiếp theo.

### **1.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND**

Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND gồm **03** điều và **02** biểu, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ ngoại ngữ, trong đó, sửa đổi, bổ sung **03** điều (*khoản 2 Điều 2; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 3; điểm a khoản 4 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 4*); bổ sung **01** điều (*bổ sung điểm c khoản 4 Điều 3*); thay thế Biểu số 01 và Biểu số 02.

- **Điều 2 và Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 7 năm 2023. Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có quyết định cử đi đào tạo và thu hút theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND nhưng chưa được hưởng hỗ trợ hoặc chưa được hỗ trợ 100% kinh phí trước ngày 16 tháng 7 năm 2023 thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND.

- **Biểu 1:** Danh mục nhóm ngành, ngành đào tạo có nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của tỉnh.

- **Biểu 2:** Mức thu hút nguồn nhân lực.

**2. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

#### **2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

##### **a) Sự cần thiết ban hành**

- Ngày 03/7/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2022-2023, Nghị quyết này áp dụng cho năm học 2022 – 2023.

- Khoản 3, điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

*“3. Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”*

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

*b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”*

- Khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

***“Điều 8. Nguyên tắc xác định học phí***

*3. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương.”*

*4. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục : c) Học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được nhà nước chi trả tối đa bằng mức học phí đối với học sinh cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn.”*

***Điều 9. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông***

*...3. Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi*

*a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;*

*b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định...”*

Từ các vấn đề nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; quy định mức chi trả cho đối tượng được miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học

2023 – 2024 là cần thiết.

***b) Mục đích ban hành***

Ban hành Nghị quyết nhằm kịp thời quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

***2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND***

Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều và **02** Phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 2.** Quy định về mức học phí, thời gian thu; mức chi trả cho trẻ em mầm non và học sinh thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

- **Điều 3:** Quy định về Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học ở địa bàn không đủ trường công lập học tại trường tư thục.

- **Điều 4 và Điều 5:** Quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

- **Phụ lục 01:** Mức thu học phí tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên, năm học 2023 - 2024.

- **Phụ lục 02:** Mức học phí tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư năm học 2023 - 2024.

**3. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

***2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành***

***a) Sự cần thiết ban hành***

Thực hiện nội dung được giao quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/04/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, ngày 24/10/2011, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND. Đến ngày 01/7/2015. Thông tư số

57/2010/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Ngày 05/10/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 61/2022/TT-BTC (có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2022) thay thế Thông tư số 74/2015/TT-BTC.

Khoản 5 Điều 5 và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 61/2022/TT-BTC quy định:

*“Điều 5. Mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất.*

**5. Đối với các nội dung chi không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp.**

*Điều 9. Điều khoản thi hành*

**2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm rà soát các quy định về mức chi liên quan đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất đã ban hành theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định mức chi theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này”.**

Căn cứ quy định nêu trên việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

#### **b) Mục đích ban hành**

Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

#### **2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND**

Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND gồm 08 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2, Điều 3:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng.

- **Điều 4:** Quy định về mức chi tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, trong đó quy định cụ thể về: (1) Chi Hội nghị; (2) Chi hỗ trợ cán bộ và người trực tiếp tham gia làm công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất; (3) Chi hỗ trợ cán bộ thẩm định thực tế ngoài hiện trường công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất; (4) Mức chi cho công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt; (5) Mức chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt.

- **Điều 5:** Quy định về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế khi Nhà nước thu hồi đất.

- **Điều 6, Điều 7, Điều 8:** Quy định về xử lý chuyên tiếp, tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

Nghị quyết số 05/2023/NQ- HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**4. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

## **2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

### **a) Sự cần thiết ban hành**

Ngày 01/8/2019, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND).

Đến nay, 06/10 vẫn bản là căn cứ ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND đã hết hiệu lực và được thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật khác;



04/10 văn bản đã được sửa đổi, bổ sung. Trong đó, căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND là Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 62/2022/TT-BTC. Theo đó, phần lớn nội dung của Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp với Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư số 117/2017/TT-BTC và điểm đ khoản 2 Điều 6 Thông tư số 124/2018/TT-BTC, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 quy định số lượng cán bộ và mức hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cộng đồng và gia đình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 62/2022/TT-BTC<sup>1</sup> thì mức thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện tại UBND cấp xã do HĐND tỉnh xem xét, quyết định (*hiện nay, Sở Tư pháp đang trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ 06 Quyết định quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành, trong đó có bãi bỏ Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND*).

Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền”*.

Khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: *“Thay thế văn bản được áp dụng trong trường hợp toàn bộ hoặc phần lớn nội dung của văn bản trái, chông chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc*

---

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định: *“Điều 6. Chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: ...2. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định mức thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tối đa không quá 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.*

Khoản 3 Điều 8: *“Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này”*.

*không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội”.*

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND là cần thiết.

### ***b) Mục đích ban hành***

Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND***

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND gồm **07** điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 2:** Quy định về nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- **Điều 3:** Quy định về nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

- **Điều 4:** Quy định về mức hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã.

- **Điều 5:** Quy định về nguồn kinh phí thực hiện.

- **Điều 6, Điều 7:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**5. Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Bãi bỏ một phần và sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số**

**07/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

**2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

**a) Sự cần thiết ban hành**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC), ngày 14/3/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND Quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 22/12/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, trong đó tại khoản 2 Điều 8 có quy định:

*“Điều 8. Điều khoản thi hành*

*2. Kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2023, mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gần nhất”.*

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của HĐND tỉnh quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

**b) Mục đích ban hành**

Ban hành Nghị quyết để bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của HĐND tỉnh quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ; mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

**2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND**

Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND gồm **03** điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định bãi bỏ một phần Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, trong đó, bỏ cụm từ “*mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú*” tại tên gọi; bỏ cụm từ “*và mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú*” tại Điều 1 của Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND.

Bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, theo đó, bãi bỏ quy định về mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú.

- **Điều 2:** Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, theo đó, sửa đổi quy định về đối tượng áp dụng từ “*Công dân đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*” thành “*Công dân đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

- **Điều 3:** Quy định về Điều khoản thi hành. Theo đó, mọi hoạt động liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

**6. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

## **2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

### **a) Sự cần thiết ban hành**

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đến nay **03/04** văn bản là căn cứ ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực một phần và được sửa đổi, bổ sung. Trong đó, căn cứ pháp lý chính ban hành Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND là Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28

tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Vì vậy, định mức phân bổ kinh phí quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp với định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Từ vấn đề trên thì việc ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND là cần thiết.

### ***b) Mục đích ban hành***

Quy định định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND***

Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND gồm **06** điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó quy định về: (1) Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; (2) Định mức phân bổ kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- **Điều 4:** Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- **Điều 5, Điều 6:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**7. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND có hiệu lực

thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

## **2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

### **a) Sự cần thiết ban hành**

Ngày 18/7/2012, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ban hành Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (*viết tắt là Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP*). Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND quy định các nội dung và mức chi bằng mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP hoặc bằng mức trung bình cộng của mức tối đa và tối thiểu tại Thông tư này.

Ngày 08/02/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTC Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, thay thế Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2023. Thông tư số 09/2023/TT-BTC đã nâng mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; bổ sung quy định 04 nội dung và mức chi, gồm: (1) Chi chính lý các loại dự thảo báo cáo; (2) Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản; (3) Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung năm 2020; (4) Tách mức chi cho công tác kiểm tra văn bản theo hai trường hợp là kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật và kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.

Theo đó, mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND thấp hơn nhiều so với mức chi quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC; đồng thời, 04 nội dung và mức chi được bổ sung tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC chưa được quy định tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND.

Từ các vấn đề nêu trên và căn cứ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC: “*Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng*

*nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện”* thì việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

### ***b) Mục đích ban hành***

Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND***

Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều và **01** Phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trong đó quy định về: (1) các nội dung chi thực hiện theo quy định; (2) một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

- **Điều 4, Điều 5:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Phụ lục:** Một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

**8. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

### ***2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành***

#### ***a) Sự cần thiết ban hành***

Điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “Điều 21. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: ... 5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: ... a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình...”.

Điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: “ Điều 22. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng .... 5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ... a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình...”.

Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định: “Điều 11. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: ...3. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ cụ thể thực hiện 1 dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách trung ương: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các dự án/kế hoạch liên kết do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các dự án/kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể, đảm bảo theo quy định khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án/kế hoạch liên kết trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Ngày 15/3/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Văn bản số 1817/BKHĐT – TCTT về việc giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, theo đó, căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định 27/2022/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn “ Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy định về định mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia, trình Hội đồng nhân dân tỉnh



## quyết định”.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, trong đó tại khoản 5, Điều 3 có quy định về nội dung chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp<sup>2</sup>, tuy nhiên Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang chưa quy định mức hỗ trợ theo tỷ lệ % chia theo từng địa bàn (gồm: (1) địa bàn đặc biệt khó khăn, (2) địa bàn khó khăn, (3) địa bàn khác) theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Từ các căn cứ nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

### ***b) Mục đích ban hành***

Nhằm cụ thể hóa nội dung phân cấp tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 (*sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*), đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc hỗ trợ, quản lý, giám sát các hoạt động phát triển sản xuất thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025.

### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND***

Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND gồm **07** điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, theo đó, hỗ trợ tối đa tổng chi phí thực hiện một (01) dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình

---

<sup>2</sup> Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ ....5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ và **Điều 2 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019** của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

mục tiêu quốc gia: Địa bàn đặc biệt khó khăn 80%; địa bàn khó khăn 70%; địa bàn khác 50%.

- **Điều 4:** Quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, theo đó, hỗ trợ tối đa tổng chi phí thực hiện một (01) dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia: Địa bàn đặc biệt khó khăn 95%; địa bàn khó khăn 80%; địa bàn khác 60%.

- **Điều 5:** Quy định về nguồn kinh phí thực hiện. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- **Điều 6, Điều 7:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2023, bãi bỏ Khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025; bãi bỏ cụm từ “*theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn*” và từ “*khác*” tại Khoản 1 Điều 3 và cụm từ “*Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*” tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**9. Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND*).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2023.

**2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

**a) Sự cần thiết ban hành**

Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH quy định:

“*d) H<sub>dc</sub>: là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không vượt quá hệ số 1,2 đối với địa bàn thuộc vùng I; không quá hệ số 0,9 đối với địa bàn thuộc vùng II; không quá hệ số 0,7 đối với địa bàn thuộc vùng III và không quá hệ số 0,5 đối với địa*

*bàn thuộc vùng IV. Địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ”.*

Căn cứ quy định nêu trên và khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>3</sup> thì việc ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

### ***b) Mục đích ban hành***

Ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên về hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND***

Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 2:** Quy định về hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương, theo đó, Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau: (1) Địa bàn thuộc vùng III (*thành phố Tuyên Quang*) là 0,4; (2) Địa bàn thuộc vùng IV (*gồm các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình*) là 0,25.

- **Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành.

**10. Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là *Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND*).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2023.

### ***2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành***

#### ***a) Sự cần thiết ban hành***

Ngày 29/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số

---

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

18/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND chưa phù hợp, chưa quy định thẩm quyền thẩm định các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (gồm: Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; dịch vụ chiếu sáng đô thị; dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng).

Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền”.

Từ vấn đề nêu trên thì việc trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND là cần thiết.

#### ***b) Mục đích ban hành***

Sửa đổi, bổ sung quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

#### ***2.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND***

Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện.

**11. Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND).**

**2.1. Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

## **2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

### **a) Sự cần thiết ban hành**

- Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT quy định:

*“Điều 4. Định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện dự án*

*1. Nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư này được thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Ưu tiên áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành.*

*2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế, kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.”*

- Hiện nay, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan đang triển khai việc rà soát, xây dựng các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; trong quá trình triển khai một số cây trồng, vật nuôi mới, vật nuôi đã được người dân đưa vào sản xuất từ nhiều năm, đem lại hiệu quả kinh tế, cần xem xét, khuyến khích hỗ trợ mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao thu nhập cho người dân thông qua các dự án phát triển sản xuất. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số cây trồng, vật nuôi, do vậy các huyện, thành phố, các cơ quan chuyên môn của tỉnh chưa có cơ sở để hướng dẫn các đơn vị chủ trì triển khai xây dựng dự án phát triển sản xuất.

Từ các vấn đề nêu trên, việc ban hành Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

### **b) Mục đích ban hành**

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi để áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

## **2.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND**

Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND gồm **04** điều và **02** Phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, trong đó quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật **08** đối tượng cây trồng (*Lúa nếp cái hoa vàng, Gấc, Gai xanh, Dưa lưới, Rau bò khai, Ớt cay, Su su, Đậu đen*) và 02 đối tượng vật nuôi (*Con Ngựa, con Ngỗng*).

- **Điều 4:** Điều khoản thi hành.

- **Phụ lục 01:** Định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Lúa nếp cái hoa vàng, Gấc, Gai xanh, Dưa lưới, Rau bở khai, Ớt cay, Su su, Đậu đen*).

- **Phụ lục 02:** Định mức kinh tế - kỹ thuật con Ngựa và con Ngỗng nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2023, Sở Tư pháp xin thông báo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- UBND huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.(VTM.Hiền)

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thục**